

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC  
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CP SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**  
Số: 30/BCTN-20

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bình Thuận, ngày 15 tháng 3 năm 2021

## **BÁO CÁO Thường niên năm 2020**

### **I. Thông tin chung**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3400393632
- Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.100.376.087 đồng
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi – TP. Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận.
- Số điện thoại: 02523816118
- Website: [www.stbbt.com.vn](http://www.stbbt.com.vn)
- Mã cổ phiếu: **BST**
- Quá trình hình thành và phát triển.
  - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 7 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400393632 ngày 01 tháng 09 năm 2004 (Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 22/6/2020). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.
  - Ngày 01/09/2004, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt nam vào ngày 28/11/2008.
  - Năm 2006, Công ty được Nhà nước tặng danh hiệu “ Huân chương lao động hạng 3” Liên tục các năm 2007, 2008 Công ty được UBND Tỉnh tặng bằng khen, Bộ GD-ĐT tặng bằng khen và cờ thi đua xuất sắc, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tặng thưởng đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm qua các năm, góp phần vào sự phát triển của ngành Giáo dục Việt Nam.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh Sách giáo khoa, Sách tham khảo, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, máy tính, Vở tập học sinh, đồ dùng dạy học, Thiết bị giáo dục...

- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Bình Thuận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

+ Hội đồng quản trị: 5

+ Ban kiểm soát: 3

+ Ban giám đốc, KTT: 3

+ Trưởng phòng, phó phòng 6

Người đại diện pháp Luật: Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Xây dựng vững mạnh, ổn định đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Đầu tư mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm.
- Mở rộng liên doanh liên kết, đầu tư vào thị trường vốn ...
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu, đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ ...

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Doanh thu thuần: 61.648.832.368 đồng.

* Trong đó :	- SGK	42.568.315.207 đồng
	- Sách Tham khảo	1.376.655.159 đồng
	- Thiết bị	7.557.888.355 đồng
	- Hàng khác	10.145.245.667 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 1.775.197.304 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 1.526.816.402 đồng

- Chia cổ tức: 1.100.000.000 đ (10%/VĐL/năm)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

(đvt: ngàn đồng)

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN		TỶ LỆ % (TH/KH)	
		Năm 2020	Năm 2019	So CK	So KH
Tổng Doanh thu	59.000.000	61.648.800	57.013.000	108%	104%
Lợi nhuận trước thuế	1.700.000	1.775.400	1.702.000	104%	105%
Thuế TNDN 20%	340.000	248.600	340.000	73%	73%
Lợi nhuận sau thuế	1.360.000	1.528.800	1.362.000	112%	112%

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

### 1/ Ông: **Nguyễn Minh Hà**, Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/07/1971
- Số chứng minh nhân dân : 260935170
- Nơi sinh : Phan Thiết – Bình Thuận
- Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phan Thiết – Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú : KP10, phường Phú Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận
- Điện thoại liên lạc: 0983186216
- Trình độ văn hoá 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty CP Sách Thiết bị Bình Thuận.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 57.238 cổ phần chiếm 5,2% /VĐL

### 2/ Ông: **Nguyễn Khoa Tuyển**, Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/10/1968
- Số chứng minh nhân dân : 260510627
- Nơi sinh : Phan Thiết – Bình Thuận
- Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phan Thiết – Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú: KP7, phường Đức Long, Phan Thiết, Bình Thuận
- Điện thoại liên lạc: 0252 3816118; 0913175019.
- Trình độ văn hoá 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân (Ngành Kế toán)

- o Quá trình công tác
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán- Hành chính, Công ty CP Sách – Thiết bị Bình Thuận.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 17.084 CP chiếm 1,55% /VDL.

3/ Ông: **Trần Hữu Sơn**, Phó Giám đốc.

- Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 25/4/1978
  - Số chứng minh nhân dân : 260823501
  - Nơi sinh : Hàm Thuận Bắc - Bình thuận
  - Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh
  - Quê quán : Hàm Thuận Bắc - Bình thuận
  - Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0252 3816091; 0983173176
  - Trình độ văn hoá 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Đại học Sư Phạm.
  - o Quá trình công tác
  - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Công Ty CP Sách Thiết bị Bình Thuận
  - Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 8.524 cổ phần chiếm 0,77% /VDL
- Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông: **Trần Hữu Sơn**, giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 01/10/2020.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBNV: 36 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	18.245.119.277	18.285.138.410	100,2%
Doanh thu thuần	57.013.588.874	61.648.832.368	104,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.672.512.434	1.754.935.478	104,9%
Lợi nhuận khác	30.775.866	20.261.826	65,8%
Lợi nhuận trước thuế	1.703.288.300	1.775.197.304	104,6%
Lợi nhuận sau thuế	1.362.823.801	1.526.816.402	112,0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	100%

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	3,9 3,08	4 3	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	23,46 30,65	22,88 29,67	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài Sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,8 3,12	0,92 3,37	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,4 9,7 7 2,9	2,5 10,8 8 2,8	%

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: Không có  
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

## a) Cổ phần:

\* Tổng số cổ phần Công ty đang lưu hành: 1.100.000 CP (CP phổ thông)

## b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước (Nhà xuất bản GD Việt Nam)	440.000	40%
2	Cổ đông HĐQT, BKS	87.189	7,93%
3	Cổ đông là CBNV, ngoài Công ty	572.811	52,07%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.100.000</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

**\* Là Doanh nghiệp thương mại chuyên cung cấp các sản phẩm là sách giáo dục, VPP,VHP...nên không có tác động đến môi trường.**

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: *Không có*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. *Không có*

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Sử dụng nguồn điện kinh doanh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: *Không có*

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước sinh hoạt. Lượng nước sử dụng bình quân 700 m<sup>3</sup>/năm.

b) Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. *Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. *Không có*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

\* Tổng số Lao động toàn Công ty: 36 người;

Lương bình quân: 8 triệu/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Trong năm, đơn vị đã triển khai kịp thời, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động bao gồm: chế độ lương, thưởng, làm thêm giờ, ăn ca, lễ tết, trang phục, trợ cấp khó khăn, phụ cấp hỗ trợ công

tác phí... Thu nhập bình quân năm 2020 tăng 118% so với năm 2019 (8tr/6,8tr).

- Giải quyết tốt các chế độ bảo hiểm: Thai sản ốm đau, chi hiếu hỷ, trợ cấp đột xuất, tặng quà cưới, tặng quà cán bộ nghỉ hưu, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn . . .
- Sử dụng quỹ phúc lợi phục vụ hỗ trợ tốt các chế độ cho người lao động và công tác xã hội.
- Tổ chức tạo điều kiện cho công nhân lao động học tập chế độ chính sách, chỉ thị nghị quyết đầy đủ.
- Hàng năm tổ chức cho CBNV tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Theo nhu cầu và tình hình thực tế của Công ty, hàng năm Công ty cử từ 2 đến 5 người đi tập huấn nghiệp vụ các lớp ngắn hạn.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: *Tập trung khai thác tốt công tác bán lẻ, công tác thị trường, thực hiện các giải pháp để hoàn thành kế hoạch để ổn định và phát triển.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Tổng kinh phí tham gia: 45.860.000 đồng;

TT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN
1	Tặng vở tập học sinh cho trường.	(1000 cuốn vở)	6.000.000
2	Học bổng, khuyến học, tiếp sức đến trường...		11.000.000
3	Tặng Sách, Thiết bị... cho thư viện trường		2.990.000
4	Ứng hộ phong trào nông thôn mới		3.000.000
5	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		5.000.000
6	Ứng hộ quỹ người nghèo		7.000.000
7	Ứng hộ lũ lụt miền trung		2.000.000
8	Quà Tết cho người nghèo, khó khăn		5.500.000
9	Đóng ngày lương phòng chống dịch Covid 19		3.370.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>45.860.000</b>

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2020 Ban điều hành và tập thể lao động đã luôn đầu tư suy nghĩ, năng động vượt khó để hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2020 trong bối cảnh kinh tế khó khăn do dịch covid-19; sức mua giảm, Thị trường

sách, thiết bị. Đồ dùng văn phòng... cạnh tranh gay gắt, chi phí ngày càng tăng cao (chiết khấu, tiền lương, bảo hiểm, dịch vụ khác...)

- Kết quả công ty đã đạt được.

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	TỶ LỆ %
1	Tổng Doanh thu	61.648.832.368	57.013.588.874	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.775.197.304	1.702.000.000	104,6%
3	Thu nhập bình quân	8.000.000	6.800.000	117,6%
4	Cổ tức (%)	10%	10%	100%
5	Nộp ngân sách	1.231.000.000	1.240.000.000	99,3%

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản:

-Tổng tài sản đến 31/12/2020: 18.285.138.410 đồng tăng 100,2% so cùng kỳ.

*\*Trong đó:* + Tài sản ngắn hạn: 16.995.414.549 đồng tăng 101,4% so cùng kỳ.

+ Tài sản dài hạn: 1.289.723.861 đồng giảm 86,9% so cùng kỳ.

+ Vốn chủ sở hữu: 14.100.376.087 đồng tăng 100,9% so cùng kỳ.

### b) Tình hình nợ phải trả: Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

-Tổng nợ phải trả ngắn hạn đến 31/12/2020: 4.184.762.323 đồng.

*\*Trong đó:* + Nợ ngắn hạn: 4.184.762.323 đồng, giảm 97,7% so cùng kỳ. (trong đó có khoản nợ phải trả cho khách hàng trong năm 2020 chưa đến hạn hợp đồng là: 2.013.775.592 đồng).

+ Nợ dài hạn: Không có.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty tập trung nâng cao năng lực điều hành tốt các hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác tiếp thị mở rộng bám sát thị trường... chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được nhiệm vụ công tác, nhu cầu phát triển của Công ty.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng chiến lược yêu cầu phát triển Công ty:

- Xây dựng vững mạnh, ổn định đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Đầu tư mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm.
- Mở rộng liên doanh liên kết, đầu tư vào thị trường vốn ...
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu, đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ.
- Tăng cường bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhân sự có đủ năng lực cho các bộ phận công tác để đảm nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới, Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ cho đội ngũ đủ khả năng đương đầu, giải quyết các tình huống kinh doanh trong cơ chế thị trường mở.
- Thực hiện đoàn kết, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống CBNV, tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ phấn đấu, phát triển.

## 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)



6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Không có

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đánh giá thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

1/ Quyết toán kết quả kinh doanh năm 2019, trả cổ tức, giải quyết đầy đủ các chế độ lương thưởng cuối năm cho người lao động. Tiếp và làm việc với đoàn kiểm toán. Tổng kết công tác năm 2019 (17/01/2019), tham dự các Hội nghị giới thiệu sách. Dự Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ của NXBGDVN.

2/ Phát hành sách ôn thi THPT.

3/ Ký hợp đồng triển khai thực hiện gói thầu Nhà thiếu nhi tỉnh, tham gia các gói thầu thiết bị văn phòng phẩm.

4/ Ký kết thỏa ước lao động tập thể và giao các chỉ chỉ tiêu giao khoán nhà sách.

5/ Tổ chức thành công Đại hội cổ đông năm 2020, nhiệm kỳ 2020-2024. Hoàn tất thủ tục công bố thông tin và thay đổi thủ tục pháp lý.

6/ Xây dựng chính sách phát hành năm 2020 và các chế độ cộng tác viên cho các đơn vị Phòng trường. Điều chuyển và bổ sung nhân sự giữa các bộ phận trong mùa cao điểm.

7/ Xây dựng kế hoạch sách lớp 1, tổng hợp kết quả thi đua thư viện gửi Sở Giáo dục.

8/ Điều chỉnh lại mẫu hóa đơn điện tử, xây dựng trang bán hàng online, ban hành bổ sung quy chế nhập xuất hàng hóa.

9/ Thực hiện tháng khuyến mãi phục vụ hè.

10/ Quyết toán kết quả kinh doanh năm 2020, làm việc với đoàn kiểm toán báo cáo tài chính năm.

11/ Tổ chức tham dự công tác tập huấn sách giáo khoa lớp 1 (3 bộ)

12/ Khảo sát, củng cố và mở rộng mạng lưới phát hành sách giáo dục, vở tập học sinh, VPP...trong toàn tỉnh. Theo dõi diễn biến thị trường để xây dựng, điều chỉnh chính sách bán hàng cho phù hợp tính cạnh tranh cao.

13/ Nhập xuất nhanh các loại hàng hóa phục vụ năm học, tổng hợp in ấn các loại ấn phẩm đầu năm học.

14/ Tập trung công tác thu hồi công nợ đến hạn đồng thời thanh toán nhanh cho Phương Nam, Miền Nam và đầu tư tài chính ngắn hạn, sử dụng hiệu quả vốn lưu động.

15/ HĐQT nhất trí Quyết nghị (100%) thông qua kết quả kinh doanh của Ban điều hành trong năm 2020.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ông Trần Văn Hưng, Chủ tịch HĐQT, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.

HĐQT thống nhất thông qua báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2020 của Công ty, đánh giá cao sự nỗ lực, nhạy bén của Ban điều hành và tập thể lao động đã luôn đầu tư suy nghĩ, năng động vượt khó để hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2020 trong bối cảnh kinh tế khó khăn do dịch covid-19; sức mua giảm, Thị trường sách, thiết bị. Đồ dùng văn phòng... cạnh tranh gay gắt, chi phí ngày càng tăng cao (chiết khấu, tiền lương, bảo hiểm, dịch vụ khác...)

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2021 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt nam, xuất phát từ yêu cầu tiếp tục ổn định, phát triển của Công ty trong thời gian tới, HĐQT Công ty CP Sách -Thiết bị Bình Thuận tập trung lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác trong năm 2021 sau đây:

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2021 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, xuất phát từ yêu cầu tiếp tục giữ vững ổn định, phát triển Công ty trong tình hình mới (năm thay sách lớp 2,6).

HĐQT Công ty Sách –Thiết bị Bình Thuận tập trung lãnh đạo, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 sau đây:

- Xét duyệt thông qua kết quả kinh doanh năm 2020
- Tại công văn 2009/UBND-ĐTQH của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành về việc quy hoạch và thu hồi cơ sở mặt bằng Nhà sách Hưng Đạo, đường Trần Hưng Đạo, TP. Phan Thiết tỉnh Bình Thuận để bán đấu giá theo quy định.

Nếu đấu giá mặt bằng trên thì giá trị sẽ rất cao, Công ty không đủ năng lực để tham gia, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn bạc và thống nhất sẽ trình Đại hội cổ đông cho phép Công ty xây dựng nhà sách mới tại một phần diện tích đất (dự kiến 400 m<sup>2</sup>) tại 70 Nguyễn Văn Trỗi, TP. Phan Thiết (Hiện là trụ sở của Công ty) để chuyển nhà sách về và giao cho Ban điều hành nghiên cứu, lập phương án tiền khả thi để trình HĐQT xem xét trước khi trình Đại Hội cổ đông năm 2021.

- Bàn định kế hoạch công tác HĐQT năm 2021.

Quyết nghị các chỉ tiêu kế hoạch tài chính chủ yếu năm 2021 chuẩn bị trình báo cáo thông qua ĐHĐCĐ thường niên.

Doanh thu: 69 tỷ đồng

Lợi nhuận (tt): 2 tỷ đồng

Cổ tức: 12%

Quỹ tiền lương: 3,9 tỷ đồng. (2.167/1000 đ LN)

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 4/2021.
- Kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách bán hàng năm 2021 trong tình hình mới – thay sách lớp 2,6, chủ động ứng phó diễn

biến thị trường khi ngành giáo dục thực hiện một chương trình nhiều bộ sách trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Hoàn thiện các chế độ đãi ngộ người lao động Công ty nhằm ổn định, phát huy tốt nguồn lực lao động tăng năng suất lao động.
- Điều chỉnh nhân một vài vị trí công tác trong bộ máy điều hành để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

#### V. Quản trị công ty

##### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT có 05 người.

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ	Ghi chú
1. Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	0%	Phó Giám đốc NXBGD tại TPHCM; độc lập.
2. Nguyễn Minh Hà	TV HĐQT	5,2%	Giám đốc công ty.
3. Nguyễn Khoa Tuyển	-	1,55%	Kế toán trưởng công ty.
4. Vũ Bùi Biển	-	0%	Phó phòng in phát hành NXBGD tại TPHCM/ độc lập.
5. Nguyễn Văn So	-	0,82%	Thành viên độc lập.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số:06/NQ-HĐQT-2020	17/01/2020	1. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của HĐQT năm 2019. 2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành năm 2019. 3. Thông qua kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2019. 4. Quyết nghị chương trình công tác năm 2020 của HĐQT. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 (các chỉ tiêu chủ yếu).
2	Số: 12/NQ-HĐQT	26/02/2020	V/v chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020 Nhiệm kỳ 2020 - 2024
3	Số: 21/NQ-HĐQT-2020	01/4/2020	V/v: Tạm hoãn và dời ngày ngày tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2020, Nhiệm kỳ 2020 – 2024.
4	Số: 89/NQ-HĐQT-2020	7/8/2020	Nghị quyết về kiểm điểm chương trình công tác 6 tháng đầu năm và

5	Số:133/NQ-HĐQT-2020	02/11/2020	quyết nghị thông qua chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2020.  Nghị quyết về kiểm điểm chương trình công tác 9 tháng đầu năm và quyết nghị thông qua chương trình công tác Quý 4 năm 2020.
---	---------------------	------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: *CTy Không có tiểu ban HĐQT.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Ông Trần Văn Hưng, Chủ tịch HĐQT, chứng chỉ C.E.O – Giám đốc Doanh nghiệp.

**2. Ban Kiểm soát:**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (3 thành viên BKS)

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông. Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban KS	0%	Độc lập.
Ông. Vương Trí Thịnh	TV	0,027%	NV công ty.
Ông: Lê Trung Nhân	TV	0,32%	NV công ty.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Định kỳ BKS họp 01 lần trong năm, thẩm tra kết quả báo cáo tài chính năm và công bố tại đại hội cổ đông thường niên. Riêng Trưởng ban kiểm soát luôn tham gia các cuộc họp của HĐQT. Thống nhất cao kết quả các cuộc họp.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1. Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	20.637.593	Thù lao HĐQT
2. Nguyễn Minh Hà	TV HĐQT	244.385.000	Lương, Thưởng, Thù lao
3. Nguyễn Khoa Tuyển	TV HĐQT	201.906.491	Lương, Thưởng, Thù lao
4. Vũ Bùi Biển	TV HĐQT	18.010.991	Thù lao HĐQT
5. Nguyễn Văn So	TV HĐQT	19.561.117	Thù lao HĐQT
6. Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban KS	12.007.327	Thù lao BKS
7. Vương Trí Thịnh	BKS	97.389.895	Lương, Thưởng, Thù lao
8. Lê Trung Nhân	BKS	113.842.195	Lương, Thưởng, Thù lao
9. Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	154.442.700	Lương, Thưởng

## b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Quan hệ với CĐNB	Ghi chú
1	<b>Trần Văn Hưng</b>	Chủ tịch HĐQT	020458123	25.6.2007	TP.HCM	TP.HCM			
	Trần Thị Tuyết Sương		079172011307	05/01/2019	Cục cảnh sát QLHC về trật tự XH	TP.HCM		Vợ	
	Trần Ngọc Uyên Nhi		025352031	02/07/2010	CA TP.HCM	TP.HCM		Con	
	Trần Ngọc Minh Như		079300017001	04/05/2020	Cục cảnh sát QLHC về trật tự XH	TP.HCM		Con	
2	<b>Nguyễn Văn So</b>	HĐQT	<b>260065343</b>	<b>23.09.2003</b>	Bình Thuận	Bình Thuận	<b>9.062</b>		
	Nguyễn Thị Ngọc Anh		260065315	15.02.2007	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Nguyễn Sỹ Trung Kiên		260870168	11.01.2001	Bình Thuận	Bình Thuận	<b>567</b>	Con	
	Nguyễn Sỹ Trung Tín				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
3	<b>Vũ Bài Biển</b>	HĐQT	<b>031077007110</b>	<b>21.11.2019</b>	CA TP.HCM	TP.HCM			
	Trần Thị Hằng		25465657	01/09/11	CA TP.HCM	TP.HCM		Vợ	
	Vũ Bá Khôi Nguyên					TP.HCM		Con	Nhỏ
4	<b>Nguyễn Minh Hà</b>	HĐQT/GD	<b>260935170</b>	<b>14.01.1999</b>	<b>Bình Thuận</b>	Bình Thuận	<b>57.238</b>		
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết		260572871	05.02.2004	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc		261403462	31.5.2012	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
	Nguyễn Quang Khải				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	2001
5	<b>Nguyễn Khoa Tuyển</b>	HĐQT/KTT	<b>260510627</b>	<b>12.1.2006</b>	<b>Bình Thuận</b>	Bình Thuận	<b>17.084</b>		
	Huyền Thị Ánh Hồng		260776652	10.1.2008	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Nguyễn Khoa Thịnh		201331263	26.1.2010	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
	Nguyễn Tấn Phát		261547281	21.7.2016	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
6	<b>Đỗ Huy Kiên</b>	Trưởng ban KS	C8299941	30.9.2019	Cục QL Xuất nhập cảnh	TP.HCM			
	Hoàng Thị Thu Hương		183599725	15.04.2015	CA. Hà Tĩnh	TP.HCM		Vợ	
	Đỗ Thế Minh					TP.HCM		Con	Nhỏ
	Đỗ Anh Quân					TP.HCM		Con	Nhỏ
7	<b>Vương Trí Thịnh</b>	BKS	<b>261167477</b>		Bình Thuận	Bình Thuận	<b>300</b>		
	Bùi Thị Ngọc Bích Thi		261201105	04.02.2020	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Vương Đức Phú				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	2016

8	Lê Trung Nhân	BKS	260508628	11.11.2008	Bình Thuận	Bình Thuận	3.505		
	Trương Trọng Ngọc Hà		260492828	11.01.2008	Bình Thuận	Bình Thuận		Vợ	
	Lê Ngọc Ngân		261382892	02.08.2011	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
	Lê Ngọc Nghĩa		261524509	01.07.2013	Bình Thuận	Bình Thuận		Con	
9	Trần Hữu Sơn	Phó GD/ Trưởng phòng	260823501	8.3.2012	Bình Thuận	Bình Thuận	8.524		Tháng 10/2020
	Vũ Thị Thu Hà		260877011	3.8.2012	Bình Thuận	Bình Thuận	900	Vợ	
	Trần Phúc Lâm				Bình Thuận	Bình Thuận		Con	2008

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: *Không có*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế Nghị quyết khác của Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

#### VI. Báo cáo tài chính

##### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.995.414.549</b>	<b>16.761.539.250</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.127.399.521</b>	<b>1.308.442.328</b>
1. Tiền	111	5	2.127.399.521	1.308.442.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	6.000.000.000	7.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.452.552.192</b>	<b>4.930.613.603</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.931.286.069	4.510.604.104
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	225.586.855	5.396.600
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9a	130.628.316	194.684.067
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	376.630.672	461.020.556

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(211.579.720)	(241.091.724)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>4.399.410.941</b>	<b>3.522.483.319</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.744.271.202	3.597.780.430
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(344.860.261)	(75.297.111)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.051.895</b>	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.110.239	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.941.656	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.289.723.861</b>	<b>1.483.580.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.500.002</b>	<b>8.888.892</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9b	17.500.002	8.888.892
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>629.887.859</b>	<b>746.771.135</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	629.887.859	746.771.135
- Nguyên giá	222		3.437.883.936	3.437.883.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.807.996.077)	(2.691.112.801)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	-	-
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>642.336.000</b>	<b>727.920.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(85.584.000)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>18.285.138.410</b>	<b>18.245.119.277</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.184.762.323</b>	<b>4.281.097.592</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.184.762.323</b>	<b>4.281.097.592</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.013.775.592	2.344.813.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	244.247.679	37.755.977
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	95.295.176	273.772.120
4. Phải trả người lao động	314		1.052.932.558	880.937.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		45.000.000	40.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	37.995.673	15.959.753
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	321.399.060	398.043.745
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		374.116.585	289.814.585
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.100.376.087</b>	<b>13.964.021.685</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>14.100.376.087</b>	<b>13.964.021.685</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000

<i>- Cổ phiếu ưu đãi</i>		<i>411b</i>			
				-	-
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	21	1.748.741.163	1.672.304.163
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	1.239.224.913	1.179.307.511
	<i>- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>79.307.511</i>	<i>75.420.232</i>
	<i>- LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>1.159.917.402</i>	<i>1.103.887.279</i>
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>18.285.138.410</b>	<b>18.245.119.277</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	61.933.255.803	57.475.178.644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	284.423.435	461.589.769
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		61.648.832.368	57.013.588.875
4. Giá vốn hàng bán	11	25	52.238.132.224	48.290.469.949
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>9.410.700.144</b>	<b>8.723.118.926</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	508.441.627	500.352.871
7. Chi phí tài chính	22	27	444.503.297	218.815.116
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.526.898	19.513.400
8. Chi phí bán hàng	25	28a	5.652.225.981	5.367.555.723
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28b	2.067.477.015	1.964.588.524
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.754.935.478</b>	<b>1.672.512.434</b>
11. Thu nhập khác	31	29	23.123.571	40.488.372
12. Chi phí khác	32		2.861.745	9.712.506
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>20.261.826</b>	<b>30.775.866</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.775.197.304</b>	<b>1.703.288.300</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	248.380.902	340.464.499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.526.816.402</b>	<b>1.362.823.801</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.124	1.028
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.124	1.028

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	62.294.155.033	58.405.767.860
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(57.428.677.731)	(54.966.025.394)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.725.366.608)	(3.468.774.504)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 27	(19.526.898)	(19.513.400)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 18	(252.886.076)	(351.548.348)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.615.636.899	3.025.322.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.960.975.526)	(3.017.809.631)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>522.359.093</b>	<b>(392.580.617)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.090.000.000)	(7.093.968.543)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	10.145.444.641	7.128.306.258
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 10,26	417.798.144	296.230.967
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.473.242.785</b>	<b>330.568.682</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33 20	894.165.160	139.512.490
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 20	(970.809.845)	(254.345.530)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 21	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.176.644.685)</b>	<b>(1.214.833.040)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>818.957.193</b>	<b>(1.276.844.975)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	1.308.442.328	2.585.287.303
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 5</b>	<b>2.127.399.521</b>	<b>1.308.442.328</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
  - Xây dựng nhà các loại;
  - In ấn;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
  - Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
  - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
  - Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
  - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).
2. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

##### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### **Dự phòng**

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

## 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

#### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

#### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

#### 4.6 Tài sản cố định vô hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

**4.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

**4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

#### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

#### 4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

#### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

#### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

#### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

#### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do đi điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

#### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.19 Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài chính.

###### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và chi phí phải trả.



**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

*Đơn vị tính: VND*

**5. Tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Tiền mặt	34.941.000	5.176.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.092.458.521	1.303.266.328
<b>Cộng</b>	<b><u>2.127.399.521</u></b>	<b><u>1.308.442.328</u></b>

**6. Đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	6.000.000.000	6.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020						01/01/2020		
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	(85.584.000)	423.640.800	427.920.000	-	427.920.000
<b>Cộng</b>				<b>727.920.000</b>	<b>(85.584.000)</b>	<b>423.640.800</b>	<b>727.920.000</b>	<b>-</b>	<b>427.920.000</b>

- (i) Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá đóng cửa BMD của phiên cuối cùng năm 2020 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
Trường Tiểu học Thuận Minh 2	138.283.200	136.937.200
Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	105.180.562	102.970.800
Các đối tượng khác	3.687.822.307	4.270.696.104
<b>Cộng</b>	<b><u>3.931.286.069</u></b>	<b><u>4.510.604.104</u></b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Miền Nam	225.586.855	-
Các đối tượng khác	-	5.396.600
<b>Cộng</b>	<b><u>225.586.855</u></b>	<b><u>5.396.600</u></b>

**9. Phải thu về cho vay****a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Cán bộ công nhân viên (i)	130.628.316	194.684.067
<b>Cộng</b>	<b><u>130.628.316</u></b>	<b><u>194.684.067</u></b>

(i) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn không có tài sản thế chấp với thời hạn từ 10 tháng đến 30 tháng, lãi suất cho vay từ 7%/năm.

**b. Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Cán bộ công nhân viên (ii)	17.500.002	8.888.892
<b>Cộng</b>	<b><u>17.500.002</u></b>	<b><u>8.888.892</u></b>

(ii) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn không có tài sản thế chấp với thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay là 7%/năm.

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	46.558.333	-	190.195.833	-
Tạm ứng	8.001.000	-	28.407.636	-
Ký quỹ, ký cược	318.457.000	-	186.482.200	(3.773.700)
Phải thu khác	3.614.339	-	55.934.887	-
<b>Cộng</b>	<b>376.630.672</b>	<b>-</b>	<b>461.020.556</b>	<b>(3.773.700)</b>

**11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn	211.579.720	-
- Từ 1 năm đến 2 năm	96.621.815	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	24.066.853	-
- Từ 3 năm trở lên	90.891.052	241.091.724
<b>Cộng</b>	<b>211.579.720</b>	<b>241.091.724</b>

**12. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.744.271.202	(344.860.261)	3.597.780.430	(75.297.111)
<b>Cộng</b>	<b>4.744.271.202</b>	<b>(344.860.261)</b>	<b>3.597.780.430</b>	<b>(75.297.111)</b>

- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020 là 344.860.261 đồng. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	370.415.000	3.437.883.936
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.984.596.285</b>	<b>1.082.872.651</b>	<b>370.415.000</b>	<b>3.437.883.936</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.475.833.285	868.002.016	347.277.500	2.691.112.801
Khấu hao trong kỳ	29.493.498	78.134.778	9.255.000	116.883.276
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.505.326.783</b>	<b>946.136.794</b>	<b>356.532.500</b>	<b>2.807.996.077</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	508.763.000	214.870.635	23.137.500	746.771.135
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>479.269.502</b>	<b>136.735.857</b>	<b>13.882.500</b>	<b>629.887.859</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.890.980.570 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

**14. Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

**15. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số đánh cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 210.725.800 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Phương Nam	230.000.000	190.410.948
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	177.444.839	530.252.619
Công ty TNHH MTV TM-DV Thiên Long Hoàng Cầu	220.478.416	41.137.502
Các đối tượng khác	1.385.852.337	1.583.012.775
<b>Cộng</b>	<b>2.013.775.592</b>	<b>2.344.813.844</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM	Chung Công ty đầu tư	129.218.290	11.324.640
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	177.444.839	530.252.619
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	230.000.000	190.410.948
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	80.031.985	101.312.855
<b>Cộng</b>		<b>616.695.114</b>	<b>833.301.062</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Nguyễn Phương Hà	100.000.000	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Bình Thuận	36.950.000	-
Các đối tượng khác	107.297.679	37.755.977
<b>Cộng</b>	<b>244.247.679</b>	<b>37.755.977</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	161.849.082	515.471.494	677.320.576	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.491.991	248.380.902	252.886.076	-	25.986.817
Thuế thu nhập cá nhân	-	81.431.047	158.858.254	170.980.942	-	69.308.359
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	34.539.384	40.481.040	5.941.656	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>273.772.120</b>	<b>962.250.034</b>	<b>1.146.668.634</b>	<b>5.941.656</b>	<b>95.295.176</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	34.657.000	-
Bảo hiểm xã hội	3.338.673	15.959.753
<b>Cộng</b>	<b><u>37.995.673</u></b>	<b><u>15.959.753</u></b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cán bộ công nhân viên trong Công ty	398.043.745	138.065.160	214.709.845	321.399.060
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Thuận	-	756.100.000	756.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>398.043.745</u></b>	<b><u>894.165.160</u></b>	<b><u>970.809.845</u></b>	<b><u>321.399.060</u></b>

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	11.000.000.000	112.410.011	1.645.047.687	1.175.420.232	13.932.877.930
Tăng trong kỳ	-	-	27.256.476	1.362.823.801	1.390.080.277
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.358.936.522	1.358.936.522
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b><u>11.000.000.000</u></b>	<b><u>112.410.011</u></b>	<b><u>1.672.304.163</u></b>	<b><u>1.179.307.511</u></b>	<b><u>13.964.021.685</u></b>
Số dư tại 01/01/2020	11.000.000.000	112.410.011	1.672.304.163	1.179.307.511	13.964.021.685
Tăng trong kỳ	-	-	76.437.000	1.526.816.402	1.603.253.402
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.466.899.000	1.466.899.000
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b><u>11.000.000.000</u></b>	<b><u>112.410.011</u></b>	<b><u>1.748.741.163</u></b>	<b><u>1.239.224.913</u></b>	<b><u>14.100.376.087</u></b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.000.000.000</u></b>	<b><u>11.000.000.000</u></b>

## c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>

## d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.179.307.511	1.175.420.232
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.526.816.402	1.362.823.801
Phân phối lợi nhuận	1.466.899.000	1.358.936.522
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.100.000.000	1.100.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.100.000.000	1.100.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	366.899.000	258.936.522
- Quỹ đầu tư phát triển	76.437.000	27.256.476
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	290.462.000	231.680.046
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>1.239.224.913</b>	<b>1.179.307.511</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 63/NQ-ĐHCD-2020 ngày 28/05/2020.

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 133/NQ-ĐHCD-2020 ngày 2/11/2020.

## f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 28/05/2020 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 1.100.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức trong năm 2020.



## 22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

<u>Nợ khó đòi đã xử lý</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Nguyên nhân xóa nợ</u>
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Trường Tiểu học Gia An 3	5.032.200	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Đặng Trương Hoàng Nhựt	6.672.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
<b>Cộng</b>	<b><u><u>156.141.453</u></u></b>	

## 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
Doanh thu bán sách giáo khoa	42.801.434.322	38.599.321.643
Doanh thu bán sách tham khảo	1.376.655.159	1.558.370.981
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	7.602.672.837	5.800.340.080
Doanh thu bán hàng hóa khác	10.152.493.485	11.421.691.394
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	95.454.546
<b>Cộng</b>	<b><u><u>61.933.255.803</u></u></b>	<b><u><u>57.475.178.644</u></u></b>

## 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
Hàng bán bị trả lại	284.423.435	461.589.769
<b>Cộng</b>	<b><u><u>284.423.435</u></u></b>	<b><u><u>461.589.769</u></u></b>

**25. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa	37.700.127.961	34.497.795.487
Giá vốn sách tham khảo	895.461.444	1.014.342.627
Giá vốn thiết bị giáo dục	6.259.859.033	4.354.697.013
Giá vốn hàng hóa khác	7.037.823.525	8.348.337.711
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	344.860.261	75.297.111
<b>Cộng</b>	<b><u>52.238.132.224</u></b>	<b><u>48.290.469.949</u></b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	201.368.644	284.332.833
Chiết khấu thanh toán	234.280.983	158.205.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.792.000	57.814.800
<b>Cộng</b>	<b><u>508.441.627</u></b>	<b><u>500.352.871</u></b>

**27. Chi phí tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	19.526.898	19.513.400
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	339.392.399	408.982.516
Hoàn nhập/ Dự phòng tổn thất đầu tư	85.584.000	(209.680.800)
<b>Cộng</b>	<b><u>444.503.297</u></b>	<b><u>218.815.116</u></b>

**28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	3.129.492.130	2.856.589.227
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.389.772	87.389.772
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	1.298.355.849	1.204.484.700
Các khoản khác	1.136.988.230	1.219.092.024
<b>Cộng</b>	<b><u>5.652.225.981</u></b>	<b><u>5.367.555.723</u></b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	1.243.882.648	1.136.663.004
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	177.470.136	150.174.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.493.504	29.493.504
Hoàn nhập/ Dự phòng phải thu khó đòi	119.579.720	197.841.724
Các khoản khác	497.051.007	450.415.565
<b>Cộng</b>	<b>2.067.477.015</b>	<b>1.964.588.524</b>

**29. Thu nhập khác**

	Năm 2020	Năm 2019
Xử lý kiểm kê hàng thừa	10.274.968	24.538.701
Thu nhập khác	12.848.603	15.949.671
<b>Cộng</b>	<b>23.123.571</b>	<b>40.488.372</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.775.197.304	1.703.288.300
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.048.000)	(965.808)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	71.744.000	56.848.192
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	72.792.000	57.814.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.774.149.304	1.702.322.492
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>248.380.902</b>	<b>340.464.499</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	248.380.902	340.464.499
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.526.816.402	1.362.823.801
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(290.462.000)	(231.680.046)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	290.462.000	231.680.046
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.236.354.402	1.131.143.755
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.124</b>	<b>1.028</b>

## 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	4.373.374.778	3.993.252.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.883.276	116.883.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	940.944.331	991.014.868
Chi phí khác bằng tiền	2.168.920.891	2.033.152.148
<b>Cộng</b>	<b>7.600.123.276</b>	<b>7.134.302.523</b>

## 33. Quản lý rủi ro

## a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

## b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Công ty thường vay cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và được xác định tại thời điểm nhận nợ. Do đó, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.

- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.013.775.592	-	2.013.775.592
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	321.399.060	-	321.399.060
<b>Cộng</b>	<b>2.380.174.652</b>	<b>-</b>	<b>2.380.174.652</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.344.813.844	-	2.344.813.844
Chi phí phải trả	40.000.000	-	40.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	398.043.745	-	398.043.745
<b>Cộng</b>	<b>2.782.857.589</b>	<b>-</b>	<b>2.782.857.589</b>

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.127.399.521	-	2.127.399.521
Đầu tư tài chính	-	642.336.000	642.336.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.780.091.979	-	3.780.091.979
Phải thu về cho vay	70.242.686	17.500.002	87.742.688
Phải thu khác	368.629.672	-	368.629.672
<b>Cộng</b>	<b>12.346.363.858</b>	<b>659.836.002</b>	<b>13.006.199.860</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.308.442.328	-	1.308.442.328
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.269.512.380	-	4.269.512.380
Phải thu về cho vay	194.684.067	8.888.892	203.572.959
Phải thu khác	432.612.920	-	432.612.920
<b>Cộng</b>	<b>13.205.251.695</b>	<b>736.808.892</b>	<b>13.942.060.587</b>



**34. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

**b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

Giao dịch		Năm 2020	Năm 2019
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	20.923.168.921	19.176.640.305
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	3.250.882.910	487.888.180
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	2.192.292.687	1.723.209.459
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	13.555.994.511	13.803.184.692

**c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập của Ban Giám đốc	398.827.700	337.298.815
Thù lao Hội đồng quản trị	130.947.273	122.170.000

**35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 10%) vào ngày 22/01/2021. Dự kiến chi trả vào ngày 05/02/2021. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**36. Số liệu so sánh:** Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.

Nơi nhận:

- Sở GDCKHN, UBCKNN
- Lưu: KT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Hà